



gù yòng
雇用

verb · to employ; to hire

Example Sentences

gōng sī jué dìng gù yòng gèng duō yuán gōng
公司决定雇用更多员工。

The company decided to hire more employees.

Tā men gù yòng le yī wèi xīn jīng lǐ
他们雇用了一位新经理。

They employed a new manager.

Trace each character, then write the word on your own.

雇	雇	雇	雇	雇	雇	雇	雇	雇	雇	雇
雇	雇	雇	雇							

用	用	用	用	用	用	用	用			
